

Số: 5278/2024/QĐST - HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 22 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2311/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc “Ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Ngọc Anh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 77/29 T, phường H, thành phố T, Thành phố H.

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: B6 đường số M, khu phố Y, phường C, Thành phố A, Thành phố H

Địa chỉ tạm trú: 77/29 T, phường H, thành phố T, Thành phố H

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 173 quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y (nay là thành phố U) cấp ngày 29/11/2014;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/11/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trương Ngọc Anh T, sinh năm 1990 và ông Bùi Văn T1, sinh năm 1982

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Khải T2 (Nam), sinh ngày: 19/7/2015 và Bùi Nhật T3 (Nữ), sinh ngày 17/6/2017. Các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Trương Ngọc Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con;

2.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Ngọc Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng bà Trương Ngọc Anh T tự nguyện nộp nhưng được cản trở vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0044301 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Hoàn trả cho bà Trương Ngọc Anh T số tiền 150.000 đồng;

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Kim Trang